

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 10/2018/DS-ST

Ngày: 28/02/2018

V/v "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Việt Hùng**
2. Ông **Nguyễn Văn Trước**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Anh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2017/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Tạ Thanh T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 4599, ấp B, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

* Bi đơn: Anh **Trần Thanh P**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 116/12 ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

* Con chung: Cháu **Trần Thanh N**, sinh ngày 01/12/2009 (xin vắng)

Địa chỉ: Số 4599, ấp B, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007 qua quen biết tìm hiểu nhau chị Tạ Thanh T và anh Trần Thanh P đã tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2009 tại UBND xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, năm 2014 chị T có yêu cầu ly hôn thì anh P hứa sẽ sửa đổi để cùng chị T lo cho con nhỏ nên chị T đã cho anh P cơ hội nhưng anh P vẫn không thay đổi, bản thân chị T cũng đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được. Nay chị T nhận thấy tình

cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn nữa do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tạ Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh P.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 01/12/2009. Hiện nay con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đồng thời không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Trần Thanh N có trình bày trong bản tự khai đề ngày 22/12/2017, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với mẹ cháu là chị Tạ Thanh T.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thanh P vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Tạ Thanh T vẫn bảo lưu ý kiến của mình

- Bị đơn anh Trần Thanh P vắng mặt không có lý do

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

Chị Tạ Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Trần Thanh P. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn anh Trần Thanh P vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Trần Thanh P.

* Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007 qua quen biết tìm hiểu nhau chị Tạ Thanh T và anh Trần Thanh P đã tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2009 tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Tạ Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh P, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2013, chị T và anh P bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, năm 2014 chị T có yêu cầu ly hôn với anh P, anh P hứa sẽ sửa đổi để cùng chị T lo cho con nhỏ nên chị T đã cho anh P cơ hội nhưng anh P vẫn không thay đổi, bản thân chị T cũng đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được. Nay chị T nhận thấy tình

cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn nữa do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu của chị Tạ Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 01/12/2009. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đồng thời chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Trần Thanh N có trình bày trong bản tự khai đề ngày 22/12/2017, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với mẹ cháu là chị Tạ Thanh T. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Thanh T giao cháu Trần Thanh N cho chị Tạ Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Về án phí: Chị Tạ Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh N, sinh ngày 01/12/2009 cho chị Tạ Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đồng thời anh Trần Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Trần Thanh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Tạ Thanh T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0001136 ngày 24/11/2017 tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Chị Tạ Thanh T không phải nộp thêm tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Hữu Thành